

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN C
THÀNH PHỐ C

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16/12/2022

V/v “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Vũ Linh**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hạnh Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:* Ông **Tô Minh Phú** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 149/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2022 về việc “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Ngọc T**, sinh năm 1993 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Số 64 đường V, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: Số 23 đường A, phường 10, quận 5, thành phố H.

* *Bị đơn:* Ông **Trịnh Quốc T**, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 519 khu vực T, phường T, quận C, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T trình bày và yêu cầu: Bà và ông Trịnh Quốc T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, quận 3, thành phố H vào ngày 21/6/2014. Chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng lớn, không có tiếng nói chung, hai người đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Quốc T.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống bà với ông T không có tài sản chung và cũng không có nợ ai hết, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trịnh Quốc T đã được Tòa án triệu tập 02 (hai) lần đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án trên theo quy định, cụ thể vào các ngày 02/11/2022 và ngày 16/11/2022, tuy nhiên ông T vắng mặt mà không có lý do. Cho nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, cũng như tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục tố tụng. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết đúng quy định; Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải, thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; không phát hiện vi phạm.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, đây là quyền của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt mà không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Huỳnh Thị Ngọc T được ly hôn với ông Trịnh Quốc T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà T cho rằng không có, không có yêu cầu, riêng bị đơn ông T vắng mặt, nên chưa làm rõ được trong vụ án này, đề nghị tách ra giải quyết thành vụ án khác, nếu đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Trịnh Quốc T tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường 6, quận 3, thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 21/6/2014, nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, không đạt được hạnh phúc như mong muốn nên bà T có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông T, quan hệ tranh chấp được xác định là “Xin ly hôn”, vụ việc được Tòa án nhân dân quận C thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T có yêu cầu xét xử vắng mặt, xét đây là quyền của đương sự và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với bị đơn ông Trịnh Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng ông T vắng mặt mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà T và ông T là hợp pháp trên cơ sở tự nguyện, trong thời gian chung sống thì tình cảm vợ chồng có sự rạn nứt, mâu thuẫn với nhau dẫn đến ly thân từ năm 2016 đến nay, giữa hai người không tìm ra cách giải quyết mâu thuẫn, không hàn gắn tiếp tục cuộc sống hôn nhân đã được xây dựng, theo bà T cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không thể hàn gắn và mâu thuẫn ngày càng lớn nên không thể đoàn tụ với nhau.

Xét thấy để xây dựng hạnh phúc của gia đình, cũng như cuộc sống của vợ chồng phải được vun đắp từ tình cảm thật sự xuất phát từ bản thân của cả người vợ và người chồng, sự tự nguyện cả hai người đồng thời cùng duy trì, giữ gìn hạnh phúc đã xây dựng, cùng chăm lo cho nhau và nuôi dạy con chung, nhưng bà T và ông T không làm được điều này. Bà T cho rằng không còn tình cảm, không thể hàn gắn và kiên quyết được ly hôn với ông T, nếu gán ép, duy trì

sẽ không mang lại hạnh phúc. Riêng đối với bị đơn ông T đã được Tòa án thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng ông T vắng mặt mà không có lý do, không đưa ra ý kiến hay giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau, chứng tỏ ông T không còn tha thiết duy trì cuộc hôn nhân với bà T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà T và ông T không đạt được, đời sống chung thực tế không tồn tại, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có, không có yêu cầu giải quyết, riêng ông T vắng mặt nên chưa làm rõ; nên sau này có ai khởi kiện tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Ngọc T được ly hôn với ông Trịnh Quốc T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có, không có yêu cầu giải quyết, riêng ông T vắng mặt nên chưa làm rõ; nên sau này có ai khởi kiện tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008629 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C; bà T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định; đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm theo quy định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- TAND Tp.C;
- VKSND Q.C;
- Chi cục THADS Q.C;
- UBND Phường 6, quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Phan Vũ Linh